

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THAN UYÊN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/5/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đoàn Trung Phước**

- **Các hội thẩm nhân dân:** Bà **Nguyễn Thị Khánh Ly**; Bà **Nguyễn Thị Việt Hà**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lò Văn Sơm** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:** Ông **La Văn Xôm** - Kiểm sát viên

Ngày 23/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08/01/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản K, xã T huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày: Chị và anh Lò Văn T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 19/8/2015 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, anh T thường xuyên đi uống rượu về đánh đập vợ con chị đã khuyên răn nhiều nhưng anh T không nghe mà còn chửi mắng chị nhiều lần. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị và anh T đã tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình người thân động viên nhưng anh T không chịu thay đổi, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài thêm nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Lò Thị N, sinh ngày 15/9/2011, và Lò Trọng D, sinh ngày 17/7/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lò Văn T, sau khi thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng và Giấy triệu tập số 23 triệu tập bị đơn Lò Văn T tham gia tố tụng vào 14 giờ 00 phút ngày 15/01/2024 song bị đơn không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng.

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 22/TB-TA ngày 05/3/2024 ấn định thời gian mở phiên họp Đến thời điểm làm việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 11/3/2024, tiến hành tổng đạt cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng. Đến thời điểm mở phiên họp, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được cấp, tổng đạt bị đơn vắng mặt Tòa án đã tiến hành việc cấp, tổng đạt, thông báo lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với bị đơn là chị chị Vì Thị T1, sinh năm 1998 cam kết giao lại tận tay ngay cho bị đơn để bị đơn biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Biên bản xác minh ngày 29/01/20234, ông Mùa A T2 - Cán bộ tư pháp xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin: Sau khi anh Lò Văn T, sinh năm 1992 có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1994 lấy nhau có Đăng ký kết hôn ngày 19/08/2015 tại UBND xã T. Anh Lò Văn T, sinh năm 1992 trong xác nhận thông tin nơi cư trú và Lò Văn T , sinh năm 1993 trong Đăng ký kết hôn cùng là một người, được xác định theo dữ liệu dân cư quốc gia.

Về trình trạng hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T về chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 19/8/2015. Thời gian đầu anh T, chị H chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024 ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 25/4/2024, tuy nhiên đến thời điểm mở phiên tòa, bị đơn Lò Văn T vắng mặt không rõ lý do.

Như vậy, Tòa án đã làm đầy đủ những thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho người thân thích trong gia đình là chị Vì Thị T1 (em dâu bị đơn), mặc dù có mặt tại nơi cư trú nhưng bị đơn Lò Văn T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai, ý kiến của anh Lò Văn T về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị H có đơn xin vắng mặt, anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Lò Thị H được ly hôn với bị đơn Lò Văn T.

Về con chung: Do cháu Lò Thị N có nguyện vọng muốn ở cùng chị H đề nghị giao con chung Lò Thị N cho nguyên đơn Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi; Cháu Lò Trọng D có nguyện vọng muốn ở cùng anh Lò Văn T đề nghị giao con chung Lò Trọng D cho bị đơn anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi để phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

Về tài sản chung, cho vay chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản Khá, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Lò Văn T không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại 02 phiên tòa không rõ lý do mặc dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông qua người thân thích trong gia đình. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228/Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, nguyên đơn

có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207/Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, theo lời khai của chị H và T3 bản Nậm Ngùa, xã P thì anh T thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập, chửi mắng chị H. Chị H đã sống ly thân với anh T 7 năm. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh T, chị H không đạt được, chị H vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh T, vì vậy HĐXX cần căn cứ vào Điều 39/Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T có hai con chung chưa thành niên và còn sống phụ thuộc. Anh T trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù có mặt tại nơi cư trú nhưng không phối hợp, có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lò Thị N là phù hợp. Bên cạnh đó, con chung Lò Trọng D có nguyện vọng muốn bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục xét có căn cứ xem xét giao con chung Lò Trọng D cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị H để giao con chung Lò Thị N cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Lò Trọng D. Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; Điều 39/Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lò Thị H được ly hôn với bị đơn Lò Văn T.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên Lò Thị N, sinh ngày 15/9/2011 cho nguyên đơn Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Giao con chung chưa thành niên Lò Trọng D, sinh ngày 17/7/2015 cho bị đơn anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Nguyên đơn, bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lò Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí theo biên lai số 0000778, ngày 08/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, nay 300.000<sup>d</sup> đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tà Mung, huyện Than Uyên, Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Trung Phước**

